

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16/01/2023

Về việc: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Lan.
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Thanh Nhiên
Bà Nguyễn Thị Lan
- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Bùi Thái Bình.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 274/2022/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022, về việc: Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 39/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị B**, sinh năm 1983
Trú tại: tổ 01, phường Thái Bình, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình – Có mặt;
- Bị đơn: Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1982
Trú tại: tổ 01, phường Thái Bình, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị B và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Xã Trục Thuận, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định vào ngày 04/9/2005. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Anh T vốn nghiện rượu lại thêm chơi cờ bạc, hay chửi bới và đánh đập vợ con. Chị B đã hai lần làm đơn ra tòa xin ly hôn nhưng vì thương con nên chị B lại rút đơn để quay về sống chung với anh T. Nhưng anh T không thay đổi. Những lần cãi đánh chửi nhau hàng xóm và tổ dân phố có đến hòa giải, công an phường có đến giải quyết. Nay xác định tình cảm vợ chồng đã hết, không thể tiếp tục được nữa nên chị B làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Trần Văn T.

- Về con chung: Có một 02 con chung là Trần Quốc Đ, sinh ngày 13/11/2007 và Trần Quốc An, sinh ngày 11/12/2013. Chị B có nguyện vọng được nuôi cả hai con và chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về án phí ly hôn: Chị Đỗ Thị B tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Sau khi thụ lý đơn của chị B, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, tiến hành báo gọi triệu tập đương sự, nhưng anh Trần Văn T liên tục vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành điều tra xác minh tại địa phương.

Biên bản xác minh ông Trần Đình Trọng, là tổ trưởng tổ 01, phường Thái Bình cung cấp như sau: anh T và chị B đăng ký kết hôn từ năm 2005. Từ đó đến nay anh T và chị B chung sống với nhau tại tổ 01, phường Thái Bình, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình do ông làm tổ trưởng. Ông vừa là tổ trưởng vừa là láng xóm gần nhà anh T và chị B. Mâu thuẫn vợ chồng anh T chị B đã xảy ra nhiều năm trở lại đây, thường xuyên cãi chửi đánh nhau, gây mất trật tự khu phố, ảnh hưởng đến tâm lý con trẻ. Ông nghe nói mâu thuẫn vợ chồng do ghen tuông. Ông phải can thiệp, và có đến cả công an phường giải quyết. Anh T và chị B ly hôn ông đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

Biên bản xác minh tại trụ sở công an phường Thái Bình, thành phố Hòa Bình. Anh Nguyễn Xuân Thắng là cán bộ công an phường Thái Bình, thành phố Hòa Bình cung cấp như sau: anh là cán bộ công an phường Thái Bình, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Anh là người trực tiếp tiếp nhận sự việc gia đình anh Trần Văn T và chị Đỗ Thị B có mâu thuẫn gia đình dẫn đến xô xát ngày 28/10/2022. Nội dung là vào khoảng 23h 30' Ngày 27/10/2022, tại gia đình nhà anh T và chị B do mâu thuẫn tình cảm và sinh hoạt vợ chồng có xảy ra xô xát cãi vã tại nhà riêng khu vực tổ 01, phường Thái Bình, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, dẫn đến việc anh T và chị B đều gây tổn hại sức khỏe cho nhau và làm ảnh hưởng gây mất trật tự tại địa phương nơi cư trú. Qua quá trình làm việc xét thấy giữa anh T và chị B có quan hệ vợ chồng và thương tích của cả hai người chưa tới mức truy cứu trách nhiệm hình sự vì vậy công an phường tiến hành lập biên bản giải hoà để hai người tự giải quyết và không có yêu cầu gì liên quan đến pháp luật. Mâu thuẫn vợ chồng chị B và anh T theo anh được biết là do anh T thường xuyên uống rượu, ghen tuông với chị B và anh T cho rằng chị B chơi bời. Đề nghị tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Sau khi đã điều tra xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Do anh T vắng mặt, Tòa án quyết định hoãn phiên tòa và tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Đến nay anh T vẫn vắng mặt và đã có bản tường trình nộp cho Tòa án, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân căn cứ thực trạng hôn nhân giữa vợ chồng chị B và anh T đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B, xử cho chị B được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: giao 02 con chung là Trần Quốc Đạt, sinh ngày 13/11/2007 và Trần Quốc An, sinh ngày 11/12/2013 cho chị Đỗ Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Phí tổn nuôi con không đặt ra.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị B khai không có gì, Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: căn cứ quy định Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326 ngày 16/11/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chấp nhận chị B tự nguyện nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong Hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân gia đình, cụ thể là về việc ly hôn. Đồng thời, bị đơn anh Trần Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 01, phường Thái Bình, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành gửi các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Sau khi đã điều tra xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị B và anh Trần Văn T là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn. Chị B cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Vì anh T suốt quá trình chung sống từ sau khi kết hôn cho đến hiện tại hay rượu chè say xỉn, ghen tuông rồi mắng chửi vợ con. Chị B đã 02 lần nộp đơn ly hôn. Nay chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Hội đồng xét xử xét thực trạng cuộc sống chung vợ chồng chị B và anh T, qua kết quả xác minh cho thấy cuộc sống chung giữa chị B và anh T tồn tại rất nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn đã từ lâu, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, có cả sự can thiệp của công an phường và chính quyền địa phương. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do anh T thường xuyên rượu chè, đánh chửi vợ con. Từ nhận định trên thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B.

Về con chung: Chị Đỗ Thị B và anh Trần Văn T có 02 con chung là Trần Quốc Đ, sinh ngày 13/11/2007 và Trần Quốc An, sinh ngày 11/12/2013. Các con đều đã trên 07 tuổi và đều có bản khai nêu nguyện vọng muốn ở với mẹ. Khi ly hôn chị B cũng có nguyện vọng được nuôi cả hai con. Xét, chị B hiện đang nuôi con, có thu nhập, có chỗ ở ổn định. Hơn nữa, Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh T có đơn trình bày đồng ý ly hôn với chị B và đồng ý để chị B nuôi hai con, anh T chưa cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX xét thấy cần giao hai con chung cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục để đảm bảo cuộc sống cho các con là phù hợp. Về phí tổn nuôi con do chị B chưa yêu cầu nên không xem xét. Anh T có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị B khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chị Đỗ Thị B tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, sự tự nguyện phù hợp pháp luật, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị B được ly hôn với anh Trần Văn T.
2. Về con chung: Giao 02 con chung là Trần Quốc Đ, sinh ngày 13/11/2007 và Trần Quốc A, sinh ngày 11/12/2013 cho chị Đỗ Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con trưởng thành hoặc có thay đổi khác. Anh Trần Văn T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Văn T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở và có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo luật định.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị B tự nguyện nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*)

tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo Biên lai số 0004629 ngày 24/10/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh HB;
- VKSND thành phố HB;
- VKSND tỉnh HB;
- Chi cục THADS thành phố HB;
- UBND xã Trục Ninh, h. Trục Ninh, Nam Định
- Dương sự;
- Lưu HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Lan

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xét xử.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA